

Số: 46/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững chưa giải ngân hết trong năm 2022, 2023 đã chuyển nguồn sang năm 2024 (đợt 2) và dự toán năm 2024 (đợt 1)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội Về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội Về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp thực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững chưa giải ngân hết trong năm 2022, 2023 đã chuyển nguồn sang năm 2024 (đợt 2) và dự toán năm 2024 (đợt 1); Báo cáo thẩm tra số 162/BC-HĐND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững chưa giải ngân hết trong năm 2022, 2023 đã chuyển nguồn sang năm 2024 (đợt 2) và điều chỉnh dự toán năm 2024 (đợt 1), như sau:

1. Điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp chưa giải ngân hết trong năm 2022, 2023 đã chuyển nguồn sang năm 2024 (đợt 2), cụ thể:

1.1. Điều chỉnh giảm: 343.511.348 đồng, trong đó:

a) Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: 204.625.000 đồng.

b) Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình: 138.886.348 đồng.

1.2. Điều chỉnh tăng cho Dự án 1 (*Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo*): 343.511.348 đồng.

2. Điều chỉnh dự toán vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 (đợt 1), cụ thể:

2.1. Điều chỉnh giảm: 13.697.500.000 đồng, trong đó:

a) Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: 50.000.000 đồng.

b) Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: 135.000.000 đồng.

c) Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: 11.773.500.000 đồng.

d) Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: 300.000.000 đồng.

đ) Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình: 1.439.000.000 đồng.

2.2. Điều chỉnh tăng: 13.697.500.000 đồng, trong đó:

a) Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: 7.294.700.000 đồng.

b) Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: 3.800.000.000 đồng.

c) Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: 2.602.800.000 đồng.

(Chi tiết có phụ biểu số 01, 02, 03 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp chuyên đề lần thứ 9 thông qua ngày 08 tháng 10 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh, Công báo Tuyên Quang;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Nam_255b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

BIỂU TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
NĂM 2022, 2023 CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2024 (ĐỢT 2) VÀ DỰ TOÁN NĂM 2024 (ĐỢT 1)

(Kèm theo Nghị quyết số: 46/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Diễn giải	Kinh phí năm 2022, 2023 đã chuyển nguồn sang năm 2024 điều chỉnh (đợt 2)			Dự toán năm 2024 điều chỉnh (đợt 1)		
		Dự toán sau điều chỉnh đợt 1 (Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 03/7/2024)	Dự toán điều chỉnh		Dự toán vốn sự nghiệp năm 2024 giao tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND	Dự toán điều chỉnh	
			Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)		Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	54.314.902.735	343.511.348	-343.511.348	183.040.000.000	13.697.500.000	-13.697.500.000
1	Dự án 1	6.513.184.629	343.511.348	0	13.861.000.000	7.294.700.000	0
2	Dự án 2	30.626.942.260			52.320.000.000	3.800.000.000	-50.000.000
3	Dự án 3	13.461.573.475			28.174.000.000	2.602.800.000	-135.000.000
4	Dự án 4	1.617.210.635	0	-204.625.000	44.262.000.000	0	-11.773.500.000
5	Dự án 5				22.530.000.000		
6	Dự án 6	833.382.902			9.375.000.000	0	-300.000.000
7	Dự án 7	1.262.608.834	0	-138.886.348	12.518.000.000	0	-1.439.000.000

BIỂU TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP (NĂM 2022, 2023 ĐÃ CHUYỂN SANG NĂM 2024)
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

CHI TIẾT THEO DỰ ÁN, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Kèm theo Nghị quyết số: 46/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Diễn giải	Tổng kinh phí đã chuyển nguồn từ năm 2022, 2023 sang năm 2024 (sau điều chỉnh đợt 1)				Dự toán điều chỉnh (đợt 2)									Dự toán sau điều chỉnh (đợt 2)		
		Tổng cộng	Theo dự án			Đề nghị điều chỉnh giảm (-)			Đề nghị điều chỉnh tăng (+)			Tổng cộng	Theo dự án				
			Dự án 1	Dự án 4	Dự án 7	Tổng cộng	Theo dự án			Tổng cộng	Theo dự án			Dự án 1	Dự án 4	Dự án 7	
							Dự án 1	Dự án 4	Dự án 7		Dự án 1		Dự án 4				Dự án 7
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13+14	12	13	14	15=16+17+18	16	17	18
	TỔNG CỘNG	4.126.645.377	3.411.784.629	470.250.200	244.610.548	-343.511.348		-204.625.000	-138.886.348	343.511.348	343.511.348			4.126.645.377	3.755.295.977	265.625.200	105.724.200
1	Sở LD-TB&XH	675.974.400		470.250.200	205.724.200	-304.625.000		-204.625.000	-100.000.000	0				371.349.400	0	265.625.200	105.724.200
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	18.886.348			18.886.348	-18.886.348			-18.886.348	0				0	0	0	0
3	Đài Phát thanh truyền hình tỉnh	20.000.000			20.000.000	-20.000.000			-20.000.000	0				0	0	0	0
4	Huyện Na Hang	3.411.784.629	3.411.784.629			0				343.511.348	343.511.348			3.755.295.977	3.755.295.977	0	0

BIỂU TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2024 (ĐỢT 1) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
CHI TIẾT THEO DỰ ÁN, CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Kèm theo Nghị quyết số: 46/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

ST T	Diễn giải	Dự toán vốn sự nghiệp năm 2024 giao tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND							Dự toán điều chỉnh giảm (-)							Dự án để nghị điều chỉnh tăng (+)							Dự toán sau điều chỉnh						
		Tổng cộng	Theo dự án						Tổng cộng	Theo dự án						Tổng cộng	Theo dự án						Tổng cộng	Theo dự án					
			Dự án 1 (NSTW)	Dự án 2	Dự án 3	Dự án 4	Dự án 6	Dự án 7		Dự án 1 (NSTW)	Dự án 2	Dự án 3	Dự án 4	Dự án 6	Dự án 7		Dự án 1 (NSTW)	Dự án 2	Dự án 3	Dự án 4	Dự án 6	Dự án 7		Dự án 1 (NSTW)	Dự án 2	Dự án 3	Dự án 4	Dự án 6	Dự án 7
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30		
	TỔNG CỘNG	41.709.900.000	13.035.000.000	7.261.400.000	4.497.200.000	14.617.300.000	860.000.000	1.439.000.000	-13.697.500.000	0	-50.000.000	-135.000.000	-11.773.500.000	-300.000.000	-1.439.000.000	13.697.500.000	7.294.700.000	3.800.000.000	2.602.800.000	0	0	0	41.709.900.000	20.329.700.000	11.011.400.000	6.965.000.000	2.843.800.000	560.000.000	0
1	Sở LD-TB&XH	1.559.000.000				120.000.000		1.439.000.000	-1.559.000.000				-120.000.000		-1.439.000.000	0							0	0	0	0	0	0	0
2	Huyện Lâm Bình	10.966.200.000	6.517.500.000			4.448.700.000			-4.448.700.000				-4.448.700.000			6.348.700.000	6.348.700.000						12.866.200.000	12.866.200.000	0	0	0	0	0
3	Huyện Hàm Yên	10.695.000.000		6.051.200.000		4.643.800.000			-3.800.000.000				-3.800.000.000			3.800.000.000		3.800.000.000					10.695.000.000	0	9.851.200.000	0	843.800.000	0	0
4	Huyện Yên Sơn	9.184.700.000			4.021.900.000	4.302.800.000	860.000.000		-2.602.800.000				-2.302.800.000	-300.000.000		2.602.800.000			2.602.800.000				9.184.700.000	0	0	6.624.700.000	2.000.000.000	560.000.000	0
5	Thành phố	2.787.500.000		1.210.200.000	475.300.000	1.102.000.000			-1.287.000.000		-50.000.000	-135.000.000	-1.102.000.000			0							1.500.500.000	0	1.160.200.000	340.300.000	0	0	0
6	Huyện Na Hang	6.517.500.000	6.517.500.000						0							946.000.000	946.000.000						7.463.500.000	7.463.500.000	0	0	0	0	0